

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 25-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Đức Lộc

Bà Nguyễn Thị Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Thế Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26a/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Bé Văn K1, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1992, tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Văn K2, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; vợ: Hà Thị P, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-10-2020 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Vi Thị L, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác

- Người làm chứng:

+ Anh Hoàng Văn N; vắng mặt.

- + Anh Lưu Hồng S; vắng mặt.
- + Anh Trần Văn T; vắng mặt.
- + Anh Nông Văn D; vắng mặt.
- + Ông Hà Văn S1; vắng mặt.
- + Chị Hà Thị P; có mặt.
- + Ông Hoàng Hải N; vắng mặt.
- + Ông Luân Văn T; vắng mặt.
- + Ông Vi Văn Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10-10-1995, ông Hà Văn S2, sinh năm 1966, trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đại diện cho hộ gia đình làm đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xin nhận rừng và đất trồng rừng tại khoảnh ** với diện tích 1,1 ha trên đồi Đ; khoảnh * + * với diện tích 93,0 ha trên đồi S, thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với tổng diện tích 94,1 ha đất trống chưa có rừng. Ngày 20-10-1995 Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã có Quyết định số **/UB-QĐ về việc cấp sổ bìa xanh giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Hà Văn S2 đối với diện tích rừng và đất để trồng rừng nói trên với thời hạn 50 năm.

Căn cứ vào Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29-7-1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng trên toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Dự án 661). Ngày 14-4-2000 Ban quản lý dự án 661 Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn đã ký kết hợp đồng số **/HĐKT với ông Hà Văn S2 để trồng rừng phòng hộ trên diện tích 3,0 ha (ba ha) tại lô, khoảnh * + *, đồi S là đất trống, khu vực này nằm trong diện tích đất trồng rừng 94,1 ha (chín mươi bốn phẩy một héc ta) đã được giao cho ông Hà Văn S2 trước đó. Năm 2000, gia đình ông Hà Văn S2 đã thực hiện trồng rừng là cây thông đuôi ngựa (thông mã vĩ) theo đúng hợp đồng giao khoán trồng mới rừng phòng hộ số **/HĐKT và Bản thiết kế kỹ thuật trồng rừng.

Năm 2017 ông Hà Văn S2 chết, nên vợ của ông Hà Văn S2 là bà Vi Thị L, sinh năm 1966 và con gái là Hà Thị P, sinh năm 1990 tiếp tục quản lý và chăm sóc toàn bộ đất rừng đã được giao từ năm 1995, trong đó có diện tích trồng mới 3,0 (ba) ha rừng phòng hộ là cây thông đuôi ngựa (thông mã vĩ) đã ký kết hợp đồng với Ban quản lý dự án Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 08 và 09-7-2020 chị Hà Thị P và chồng là Bế Văn K1, sinh năm 1992 viết đơn xin khai thác cây rừng trồng trên diện tích 3,0 ha gửi đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn hướng dẫn đến Hạt Kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn để được hướng dẫn cụ thể về những

thủ tục khai thác. Bé Văn K1 đã được cán bộ của Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là ông Hoàng Hải N hướng dẫn về lập phương án thực hiện việc cắt tỉa, khai thác rừng phòng hộ theo quy định của Luật Lâm nghiệp, khi có đầy đủ thủ tục thì Ủy ban nhân dân xã T và Hạt kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn sẽ kiểm tra và hướng dẫn thực hiện khai thác theo quy định. Nhưng Bé Văn K1 không thực hiện.

Ngày 22-7-2020, Bé Văn K1 đã thuê anh Trần Văn T, sinh năm 1991 và anh Lưu Hồng S, sinh năm 1996 là người cùng thôn và anh Nông Văn D, sinh năm 1984 ở thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn sử dụng cưa máy của Bé Văn K1 thực hiện việc cắt tỉa và khai thác các cây thông trên 3,0 ha tại lô, khoảnh * + *, đồi S; đến ngày 24/7/2020 sau khi đã cắt được khoảng 40 cây thông thì ông Hoàng Hải N vào kiểm tra, nhắc nhở và yêu cầu dừng việc khai thác, yêu cầu làm đầy đủ phương án khai thác theo quy định thì mới được phép khai thác, Bé Văn K1 chấp hành và dừng việc khai thác.

Đến ngày 01-8-2020 Bé Văn K1 tiếp tục thuê anh Trần Văn T, Lưu Hồng S và Nông Văn D để khai thác cây thông trên diện tích rừng phòng hộ nói trên, đến ngày 16-8-2020 đã khai thác được 590 cây/56,5 m³, trên diện tích 13.114m² trong tổng diện tích 3,0 ha tại lô, khoảnh * + *, đồi S; thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khai thác gỗ xong Bé Văn K1 đăng tải nội dung rao bán lên “Hội nhóm mua bán gỗ” trên mạng xã hội Facebook để tìm người mua và đã bán cho Hoàng Văn N, sinh năm 1982, nơi cư trú: Bản Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, được khoảng 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tiền thuê cắt khai thác rừng thông hết 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; đến khoảng tháng 9-2020 Bé Văn K1 và vợ là Hà Thị P mua cây keo giống và thuê người đào hố để trồng mới trên khu rừng phòng hộ đã bị khai thác hết 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; tại thời điểm xác định hiện trường, xác định được toàn bộ diện tích bị khai thác trái phép đã được trồng mới cây keo, cây keo sinh trưởng tốt, cây thấp nhất là 30cm, cây cao nhất là 60cm.

Tại Kết luận giám định tư pháp của Hạt Kiểm lâm thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Khu rừng bị khai thác thuộc thửa đất số * tờ Bản đồ số * xã T do Ủy ban nhân dân xã quản lý có diện tích 2.709,7 m² và thửa đất số *, tờ bản đồ số * xã T mang tên Hà Văn S2 quản lý có diện tích 10,404,3 m² thuộc bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T năm 2009, đồng thời thuộc lô * trên bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 và đều tại khoảnh *, tiểu khu * thuộc quy hoạch rừng phòng hộ. Toàn bộ diện tích 13.114m² đã khai thác là rừng trồng cây thông Mã vĩ. Tổng trữ lượng đã khai thác là 56,5 m³.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 01-02-2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn kết luận giá trị tài sản cần định giá 590 cây gỗ thông có các đường kính gốc khác nhau có giá 46.629.000 (bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai chín nghìn) đồng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Bé Văn K1

về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Bé Văn K1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vi Thị L trình bày tại phiên tòa: Năm 2000 Ban quản lý dự án 661 Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn đã ký kết hợp đồng số */HĐKT với chồng bà là ông Hà Văn S2 để trồng rừng phòng hộ trên diện tích 3,0 ha (ba hecta) tại lô, khoảnh * + *, đồi S. Năm 2000, gia đình bà đã thực hiện trồng rừng là cây thông đuôi ngựa (thông mã vĩ). Năm 2017 chồng bà chết, nên bà và con gái tiếp tục quản lý và chăm sóc toàn bộ đất rừng. Sau đó chị Hà Thị P lập gia đình nên bà đã giao cho con gái là Hà Thị P và con rể là Bé Văn K1 quản lý toàn bộ đất rừng. Bà chỉ nghe thấy con gái và con rể bàn với nhau về việc khai thác gỗ; bản thân bà không chỉ đạo hay tham gia vào quá trình khai thác.

Người làm chứng chị Hà Thị P trình bày tại phiên tòa: Chị là con của ông Hà Văn S2 và bà Vi Thị L; sau khi bố chị mất; thì chị và gia đình vẫn quản lý rừng phòng hộ trên diện tích 3,0 ha (ba hecta). Sau khi chị lấy chồng thì chị và chồng là Bé Văn K1 được mẹ chị giao cho quản lý, sử dụng diện tích rừng cho tới nay. Đầu năm 2020 do những cây thông đã được khai thác hết nhựa nên chị bàn với chồng khai thác hết cây thông để trồng cây mới. Chị có làm đơn xin khai thác gỗ gửi Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sau đó được hướng dẫn nộp đơn đến Hạt kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chồng chị đã nộp đơn xin khai thác gỗ đến Hạt kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Bản thân chị không tham gia vào quá trình khai thác gỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bé Văn K1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Bé Văn K1 hình phạt từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng do bị cáo Bé Văn K1 phạm tội mà có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Bế Văn K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03-9-2020; Kết luận giám định tư pháp; Biên bản giám định hiện trường ngày 22, 24-9-2020; Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 01-02-2021; lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có căn cứ để xác định: Từ ngày 22-7-2020 đến ngày 16-8-2020, bị cáo Bế Văn K1 đã khai thác trái phép 56,5 m³ gỗ thông mã vĩ, trên tổng diện tích 13.114m² rừng phòng hộ là rừng trồng tại lô, khoảnh * + *, đồi S, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn bán được 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Do đó, có căn cứ để khẳng định, bị cáo Bế Văn K1 đã phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Bế Văn K1 đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Bị cáo đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Chính vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo đã khắc phục hậu quả đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp,

không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, nên cho bị cáo cải tạo tại địa phương với một thời gian nhất định là đủ để răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án: Công cụ để thực hiện việc khai thác rừng là chiếc cưa máy của gia đình bị cáo Bé Văn K1, sau khi dừng việc khai thác Bé Văn K1 đã để thất lạc chiếc cưa máy này; cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

[10] Các biện pháp tư pháp: Bị cáo có thu lợi bất chính từ việc khai thác rừng trái phép nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần truy thu của bị cáo Bé Văn K1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và Hạt kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn cụ thể là ông Hoàng Hải N, cán bộ Kiểm lâm phụ trách địa bàn và ông Luân Văn T, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là những người nhận đơn và hướng dẫn cũng như yêu cầu bị cáo Bé Văn K1 dừng việc khai thác. Do đó, không có cơ sở để xem xét xử lý.

[12] Đối với trạm Biên phòng Na Hình là cơ quan quản lý khu vực biên giới đã giải thích và hướng dẫn bị cáo Bé Văn K1 phải lập đầy đủ thủ tục theo quy định, khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì khai thác. Từ năm 2014 Dự án 661 của Ban quản lý Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn đã chuyển giao về cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện V, tỉnh Lạng Sơn quản lý, nên chỉ thực hiện công tác quản lý và giám sát theo lĩnh vực chuyên môn công tác Biên phòng ở khu vực biên giới. Nên cũng không có cơ sở để xem xét trách nhiệm.

[13] Đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, không phải là cơ quan thực hiện Dự án 661 đối với khu rừng phòng hộ tại đồi S, đến năm 2014 tiếp nhận lại toàn bộ hồ sơ về dự án 661 của huyện, nhưng không nhận được hồ sơ, thủ tục đề nghị được khai thác rừng tại đồi S, thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn của bị cáo Bé Văn K1, nên không xác định được việc khai thác rừng của bị cáo Bé Văn K1. Nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[14] Đối với bà Vi Thị L là mẹ vợ và Hà Thị P là vợ của bị cáo Bé Văn K1 không tham gia vào quá trình thực hiện tội phạm của bị cáo Bé Văn K1. Nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[15] Đối với Trần Văn T, Lưu Hồng S và Nông Văn D là những người đã được bị cáo Bé Văn K1 thuê khai thác gỗ thông trên đồi S, thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do được Bé Văn K1 nói cho biết việc đã được gửi đơn xin khai thác đến các cơ quan chức năng, bản thân những người này cũng không biết địa điểm khai thác là rừng phòng hộ. Do đó, cũng không đủ cơ sở để xem xét xử lý.

[16] Đối với Hoàng Văn N không biết việc bị cáo Bé Văn K1 khai thác gỗ tại rừng phòng hộ và chưa được cấp phép, bị cáo Bé Văn K1 cũng không trao đổi với Hoàng Văn N về việc này, do đó không có căn cứ xử lý.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[19] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bé Văn K1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Bé Văn K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25 tháng 3 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Các biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Bế Văn K1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo Bế Văn K1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
-;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh